

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-PT
Ngày 26 - 12 - 2022
Về "T/c Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Luật.

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2022/TLPT- DS ngày 26 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DSST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐ- PT ngày 24 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H; địa chỉ: Khóm 6, thị trấn Diên S, huyện Hải L, tỉnh Quảng T, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Kim N; địa chỉ: Thôn Tân P, xã Hải L, huyện Hải L, tỉnh Quảng T.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị O, địa chỉ: Số 07 đường số 3 Tnh Hoài Đ, khu phố Tân V, Phường Đông L, tHnh phố Đông H, tỉnh Quảng T (*Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2022*); có mặt.

3. *Người làm chứng:* Chị Trần Đỗ Ánh D; địa chỉ: Thôn Tân P, xã Hải L, huyện Hải L, tỉnh Quảng T, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị Kim N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Trong quá trình làm ăn, bà Đỗ Thị Kim N nhiều lần mượn tiền của bà Lê Thị H, cụ thể như sau:

- Lần 1, ngày 14/02/2020, bà N mượn 120.000.000đồng;
- Lần 2, ngày 20/02/2020, bà N mượn 20.000.000đồng;
- Lần 3, ngày 24/02/2020, bà N mượn 70.000.000đồng;
- Lần 4, không nhớ ngày, tháng, bà N mượn 10.000.000đồng.

Sau khi mượn tiền, bà Đỗ Thị Kim N có chuyển khoản cho bà H 10 lần với tổng số tiền 100.100.000đồng để trả nợ cho các lần mượn tiền ngày 20/02/2020, 24/02/2020 và lần mượn tiền thứ 4. Còn khoản 120.000.000 đồng mượn ngày 14/02/2020 bà Đỗ Thị Kim N chưa trả. Vì giấy mượn tiền ngày 14/02/2020 cả bà Đỗ Thị Kim N và chị Trần Đỗ Ánh D là con gái bà N cùng ký vào giấy mượn tiền nên bà H yêu cầu bà N và chị D phải trả cho bà H số tiền gốc là 120.000.000đồng và 55.693.151 đồng tiền lãi.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim N trình bày: Bà N thừa nhận có mượn tiền bà Lê Thị H nhiều lần. Tuy nhiên, đến ngày 14/02/2020, bà N và bà H đối chiếu lại số tiền vay mượn giữa hai bên thì bà N còn nợ bà H đúng số tiền là 120.000.000đồng, số tiền này khớp với giấy mượn tiền ngày 14/02/2020 nên hai bên thống nhất giữ lại giấy mượn tiền này để xác nhận lại số tiền bà N đang nợ bà H. Sau khi thống nhất số tiền còn nợ là 120.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 14/02/2020 thì các giấy mượn tiền khác không còn giá T và bà N đã trả cho bà H số tiền 100.100.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản. Do đó, bà N chỉ còn nợ bà H số tiền 19.900.000đồng.

Chị Trần Đỗ Ánh D trình bày: Việc các bên lập giấy mượn tiền ngày 14/02/2020 không liên quan đến chị, chị D chỉ ký vào giấy mượn tiền với tư cách là người làm chứng. Mặt khác, tại thời điểm ngày 14/02/2020, chị D cũng chưa đủ 18 tuổi. Do đó, chị đề nghị Tòa án xác định lại chị tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

Ông Nguyễn Văn Đ (chồng bà Lê Thị H) trình bày: Việc vay mượn tiền từ trước đến nay chỉ diễn ra giữa bà H và bà N, ông Đ không hề liên quan đến việc vay mượn và số tiền này là tiền của bà H, trong giấy có tên ông Đ là vì do bà H làm mẫu sẵn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Việc bà N mượn tiền của bà H lần thứ 04 với số tiền 10.000.000đồng nhưng không có giấy tờ. Trong khi đó, từ sau ngày 14/02/2020, bà N chuyển khoản vào tài khoản của bà H với tổng số tiền 100.100.000đồng để trả nợ cho giấy mượn tiền ngày 20/02/2020 và 24/02/2020 với số tiền 90.000.000đồng. Do đó, số tiền thừa là 10.100.000đồng này bà H sẽ trừ vào tiền gốc 120.000.000đồng của giấy mượn tiền ngày 14/02/2020. Vì vậy, bà H xin rút một phần yêu cầu đối với tiền gốc là 10.100.000đồng. Số tiền gốc còn lại bà H yêu cầu là 109.900.000đồng.

Đối với yêu cầu tiền lãi: Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu bà N phải trả 55.693.151đồng, thời gian tính lãi từ ngày 14/02/2020 đến ngày nộp đơn khởi kiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà H chỉ yêu cầu tiền lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 09/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/9/2020 với lãi suất 10%/năm.

- Bị đơn (bà Đỗ Thị Kim N) chỉ thừa nhận còn nợ bà H số tiền 19.900.000 đồng và số tiền nợ này là của cá nhân bà N, không liên quan đến chị Trần Đỗ Ánh D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tư cách tham gia tố tụng của chị D.

Với những nội dung trên,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DSST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Hải L, tỉnh Quảng T; đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463, 466 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, buộc bà Đỗ Thị Kim N trả cho bà Lê Thị H số tiền 112.880.000đồng. Trong đó: 109.900.000đồng tiền gốc và 2.980.000đồng tiền lãi.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu của bà Lê Thị H với số tiền gốc 10.100.000đồng và tiền lãi 52.713.151đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 30/9/2022 và ngày 20/10/2022, bị đơn bà Đỗ Thị Kim N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Thứ nhất: Tại đơn khởi kiện bà Lê Thị H yêu cầu bà N và cháu D có nghĩa vụ trả 120.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 14/02/2020, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện tức là chấp nhận thêm 02 giấy mượn tiền ngày 20/02/2020 của Trần Đỗ Ánh D đối với số tiền vay 20.000.000 đồng và giấy mượn tiền ngày 24/02/2020 của Đỗ Thị Kim N đối với số tiền vay 70.000.000đồng đã được xóa bỏ chữ “R” để xác định số tiền bà N còn nợ của bà H 109.900.000 đồng tiền gốc. Thứ hai: Giấy mượn tiền đề ngày 14/02/2020, mặt sau của tờ giấy này thể hiện số tiền bà N đã trả cho bà H nhưng bà H dán lại, đề nghị cấp phúc thẩm kiểm tra lại chứng cứ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không rút kháng cáo. Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng T phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hải L, tỉnh Quảng T, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 19.900.000 đồng và tiền lãi 540.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Kim N trả nợ theo giấy mượn tiền ngày 14/02/2020, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan

hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Hải L, tỉnh Quảng T. Tòa án nhân dân huyện Hải L, tỉnh Quảng T thụ lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền.

[1.3] Xác định tư cách tham gia tố tụng: Tại Đơn khởi kiện bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Kim N và chị Trần Đỗ Ánh D trả nợ số tiền 120.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 14/02/2020, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bị đơn bà Đỗ Thị Kim N và chị Trần Đỗ Ánh D. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị H trình bày chị D có đi theo mẹ là bà N nhưng không mượn tiền của bà H, bà N và chị D cũng xác nhận chị D không mượn tiền của bà H, người mượn tiền là bà N còn chị D chỉ ký vào giấy mượn tiền với tư cách người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ Điều 77 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định lại chị Trần Đỗ Ánh D tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là đúng pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Đ có văn bản trình bày không liên quan đến việc vay mượn và số tiền 120.000.000đồng là tiền của bà H, việc ông có tên trong giấy mượn tiền do ông là chồng của bà H và giấy này được làm theo mẫu. Do đó, Tòa án không đưa ông Đ vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn: Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án do bị đơn có kháng cáo, Tòa án đã tiến hành kiểm tra các mặt sau của giấy mượn tiền do phía nguyên đơn cung cấp mà nguyên đơn đã dán kín lại mặt phía sau. Tại phiên làm việc ngày 03/11/2022, bà Lê Thị H thừa nhận toàn bộ giấy mượn tiền bà H cất giữ, trên các giấy vay của ngày 20/02/2020 và ngày 24/02/2020 ký hiệu chữ “R” là đã trả rồi.

Như vậy, ngày 09/6/2022, bà H khởi kiện số tiền 120.000.000 đồng, kèm theo chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện là Giấy mượn tiền ngày 14/02/2020, nhưng cấp sơ thẩm căn cứ vào các giấy vay của ngày 20/02/2020 và ngày 24/02/2020 ký hiệu chữ “R” là đã trả rồi để trừ vào số tiền bị đơn chuyển khoản trả cho nguyên đơn vào 02 giấy vay đã trả rồi là không có căn cứ. Mặt sau của giấy vay ngày 14/02/2020 xác nhận ngày 28/02/2020 bà N đã trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp với lời khai của bà N trước đó đã trả tiền mặt và giữa bà H với bà N chốt các giấy vay, thống nhất hủy giấy vay ngày 20/02/2020 và giấy vay ngày 24/02/2020, để lại giấy vay ngày 14/02/2020.

[2.2] Xem xét về số tiền nợ gốc:

Căn cứ mà bà Lê Thị H khởi kiện bà Đỗ Thị Kim N yêu cầu trả số tiền 120.000.000 đồng là Giấy mượn tiền có nội dung bà Đỗ Thị Kim N mượn số tiền 120.000.000 đồng của bà Lê Thị H vào ngày 14/02/2020, các bên không thỏa thuận thời hạn trả và không thỏa thuận về lãi do đó xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các chứng từ phía bị đơn bà N cung cấp để chứng minh đã trả nợ cho bà H vào tài khoản số 3903205009644 của bà H mở tại N Hng Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Hải L, cụ thể: ngày 15/6/2020 trả 8.100.000 đồng; ngày 13/7/2020 trả 8.000.000 đồng; ngày 11/9/2020 trả 30.000.000đồng; ngày 11/11/2020 trả 10.000.000đồng; ngày 09/02/2021 trả 9.000.000đồng; ngày 31/3/2021 trả 5.000.000 đồng; ngày 28/7/2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 16/9/2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 19/5/2022 trả 5.000.000 đồng và ngày 09/3/2022 trả 5.000.000 đồng. Tổng cộng 100.100.000 đồng.

Như vậy, trong số tiền gốc 120.000.000 đồng, bà N đã trả 100.100.000 đồng, còn nợ lại bà H 19.900.000 đồng.

[2.3] Xem xét yêu cầu tính lãi: Giấy mượn tiền xác định không kỳ hạn, và bà H không chứng minh được thời gian bắt đầu đòi nợ bà N nên chấp nhận thời điểm tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện 09/6/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2022. Mức lãi suất bà H yêu cầu 10%/năm phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo đó, số tiền lãi bà N phải trả cho bà H là: 19.900.000đồng x 03 tháng 07 ngày x 10%/năm = 534.000 đồng.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng T, chấp nhận kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần không được chấp nhận ($100.100.000 \times 5\% = 5.005.000$ đồng); Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận ($20.434.000$ đồng x 5% = 1.022.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Kim N; sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 147 và Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, buộc bà Đỗ Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 20.434.000 đồng Trong đó: tiền gốc 19.900.000 đồng và tiền lãi 534.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 14/02/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, mà bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Đỗ Thị Kim N phải chịu 1.022.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai tạm ứng án phí số 0000172 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Bà N còn phải nộp 722.000 đồng.

- Bà Lê Thị H phải chịu 5.005.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai tạm ứng án phí số 0000119 ngày 21/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Bà H còn phải nộp 2.005.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng T;
- TAND huyện Hải L;
- Chi cục THADS h Hải L;
- VKSND huyện Hải L;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Thị Kim Thương

